

Cảm nhận về sự chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp của hộ gia đình nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng qua một số công trình nghiên cứu đã được công bố

LÊ PHƯỢNG

Đã từ lâu các chuyên gia nông nghiệp - nông thôn đã phân tích và khẳng định trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam đang xuất hiện xu hướng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của hộ gia đình nông nghiệp, đồng thời về mặt lý luận đã xác định vai trò của nó trong sự nghiệp phát triển nông thôn gắn với quá trình Đổi Mới kinh tế xã hội ở nông thôn Việt Nam. Vì vậy vấn đề được đặt ra là: làm thế nào để đẩy mạnh việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn, và đồng thời chuyển dân một bộ phận dân cư từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Những chủ đề chính cần được khảo sát và có giải pháp là: quá trình chuyển lực lượng lao động từ nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp như thế nào? Và các hộ gia đình nông nghiệp phải thích ứng với quá trình này như thế nào? Tổng quan về sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của hộ gia đình nông nghiệp, vì vậy sẽ chú trọng đến thực trạng của quá trình chuyển đổi đó và những dự báo xu hướng của nó trong tương lai ra sao. Có nghĩa là về nghề nghiệp chú ý hơn đến các hộ gia đình đang chuyển đổi, tiềm tàng khả năng chuyển đổi và khó có khả năng chuyển đổi. Nói như vậy không có nghĩa là gạt nhóm hộ phi nông nghiệp khỏi vấn đề nghiên cứu. Vì lẽ sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp là đa dạng, nhiều chiều. Trong thời kỳ Đổi Mới, có những hộ từ thuần nông chuyển hẳn sang phi nông, ngược lại cũng có hộ vì lý do nào đó mà đang là phi nông có thể chuyển sang hỗn hợp hoặc thậm chí là thuần nông. Mặt khác nhóm phi nông cũng là đích của sự chuyển đổi nên cần được chú ý thích đáng trong nghiên cứu đối sánh. Bài viết này cố gắng nêu lên những cảm nhận về các công trình đã công bố hướng về chủ đề nói trên, đương nhiên, do sự hiểu biết còn hạn hẹp chúng tôi chỉ tập trung phát biểu qua nghiên cứu về sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của hộ gia đình nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nông thôn đồng bằng sông Hồng.

Ở nông thôn Việt Nam, ngay từ trong lịch sử đã tồn tại cơ cấu đa ngành nghề do cả hai cơ chế tự cung - tự cấp và thị trường kém phát triển của làng xã truyền thống. Nhiều làng nghề truyền thống ở đồng bằng Bắc Bộ từ xưa đã rất nổi tiếng như dệt Vạn Phúc, rèn Đa Sĩ, đúc đồng Đại Bái, gốm Bát Tràng, pháo Bình Đà... Tuy nhiên truyền thống "*Trọng nông ức thương*" vẫn là xuyên suốt trong lịch sử. Đến những năm cuối thập niên 80, khi cả nước bước vào công cuộc đổi mới, chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường thì xu hướng đa dạng hóa cơ cấu nghề nghiệp của hộ gia đình nông nghiệp mới xuất hiện thành một trào lưu và phát triển ngày càng mạnh mẽ. Từ những năm đầu của thập niên 90, ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, hộ gia đình nông dân được xác định là đơn vị tự chủ trong sản xuất - kinh doanh, vì vậy có

sự phân hoá mạnh các loại hộ nghề nghiệp khác nhau. Hiện nay cơ cấu nghề nghiệp của hộ gia đình nông nghiệp đang tiếp tục chuyển đổi theo hướng giảm bớt truyền thống thuần nông, chuyển sang hộ gia đình có ngành nghề tổng hợp (hộ hỗn hợp) hoặc là phi nông nghiệp hoàn toàn. Số liệu khảo sát 7 tỉnh trong toàn quốc năm 1991 cho biết: số hộ nông nghiệp có nghề phụ thường xuyên là 11,4%, số hộ nông nghiệp có nghề phụ không thường xuyên là: 13,0%. (¹T) Tỷ lệ giữa các loại hộ nghề nghiệp ở vùng đồng bằng sông Hồng những năm 1990-1993 là hộ thuần nông: Khoảng 30 - 40%, hộ hỗn hợp 50 - 60% và hộ phi nông 5 - 10%⁽²⁾. Nhìn chung tình hình nông thôn cả nước thì nhóm hộ thuần nông vẫn là chủ yếu. Ngay cả ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thì thực chất nhóm thuần nông vẫn là cơ bản. Vì lẽ ngay trong nhóm hỗn hợp thì có nhiều hộ được tính một cách hình thức khi có thêm một nghề phụ hoặc hoạt động dịch vụ, chỉ phần không đáng kể trong cơ cấu thu nhập, trong khi hoạt động nông nghiệp vẫn là chủ yếu. Mặt khác ranh giới về bước chuyển từ hộ thuần nông sang hộ hỗn hợp là không rõ ràng, không chắc chắn.

Đến thời điểm khoảng năm 1992 - 1993 thì quá trình phân hoá nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ tiếp tục diễn ra theo chiều hướng giảm bớt thuần nông, tăng hộ kinh tế hỗn hợp nhưng khó đạt tới phi nông hoàn toàn. Điều này được phản ánh qua số liệu một số cuộc nghiên cứu ở một số điểm ở đồng bằng Bắc Bộ qua bảng biểu số 1. Qua 12 điểm nghiên cứu thuộc 6 tỉnh Bắc Bộ cho thấy ở đây hội đủ các dạng làng xã nông thôn Miền Bắc. Tương ứng như các nhóm hộ thì có các loại làng xã về nghề nghiệp : làng xã có nghề nông là chính, làng xã hỗn hợp ngành nghề và làng xã có nghề phi nông nghiệp là chính. Các nghiên cứu cho thấy quá trình chuyển đổi nghề nghiệp diễn ra nhanh hơn ở các làng xã thuộc dạng nghề nghiệp hỗn hợp và nghề phi nông là chính. Vậy nhưng ở những điểm tiêu biểu cho làng xã có nghề phi nông là chính như Ninh Hiệp thì quá trình chuyển đổi cũng rất phức tạp. Cụ thể là nhóm hộ thuần nông ở Ninh Hiệp giảm được 6,5%/năm trong hai năm đầu (1989 - 1991), hai năm sau đó (1991 - 1993) chỉ giảm được 1,93%/năm. Còn nhóm hỗn hợp ở Ninh Hiệp cũng có tăng lên nhưng với mức chậm dần, giai đoạn 1989 - 1991 tăng 7,7%/năm, nhưng ở thời điểm sau đó (1991 - 1993) chỉ còn tăng 4,7%/năm . Trong khi đó ở nhóm hộ phi nông thì tình hình phát triển lại có xu hướng ngược lại, nghĩa là giảm dần qua các thời điểm 1989, 1991 và 1993 (tương ứng là 16,5%, 14,3% và 8,9%). Rõ ràng là ở ngay nhóm làng xã được xếp vào loại phi nông là chính, tức là nhóm có năng lực chuyển đổi cơ cấu ngành nghề mạnh mẽ nhất, nhanh chóng nhất thì quá trình chuyển đổi cũng diễn ra rất phức tạp, đa dạng và đa chiều. Thực tế cho thấy ở các làng xã đó, không nhất thiết với quá trình giảm dần nhóm hộ thuần nông thì cũng có nghĩa là tăng dần hộ phi nông. Thực tế cũng cho thấy quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp ở hai nhóm làng xã còn lại có tốc độ còn chậm chạp hơn, nhất là ở những làng xã mà nghề thuần nông là đa số. Cụ thể là, đại diện cho nhóm làng xã có nghề hỗn hợp là chính như Vũ Hội thì tỷ lệ nhóm hộ thuần nông trong hai năm (1993 - 1994) hầu như không thay đổi, đều có tỷ lệ là 15%. Ở một số xã khác trong nhóm này thì tỷ lệ hộ thuần nông ở Đông Dương giảm được trung bình 2,6% (trong ba năm), ở Hải Vân và Phùng Xá mỗi năm giảm được 1,5%. Ở nhóm các làng xã có nghề nông là chính như Tam Sơn, quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp sang hỗn hợp và phi nông còn chậm chạp hơn. Về diện mạo cơ cấu nghề nghiệp ở xã Tam Sơn có bảng sau: (xem Bảng 1).

Như vậy nếu kể từ thời điểm 1992 trở về trước thì ở Tam Sơn quá trình phi nông hoá còn rất mờ nhạt (5,1%) bức tranh thuần nông là cơ bản. Thực tế khảo sát những năm gần đây ở Tam Sơn có cho thấy xu hướng chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp, nhưng còn rất chậm chạp và chưa tạo

¹ Nguồn: *Thực trạng kinh tế hộ nông dân Việt Nam sau đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp*. Ban chính sách quản lý - Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm. Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1991. Tr. 52.

² Nguồn: *Tư liệu Phòng Xã hội học nông thôn*. Viện Xã hội học.

thành xu hướng rõ rệt và chắc chắn. Rõ ràng sự chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp của các hộ gia đình nông nghiệp hiện nay phụ thuộc rất nhiều vào địa bàn cư trú và các yếu tố truyền thống.

Bảng 1: Tỷ lệ các hộ gia đình phân theo nghề nghiệp ở Tam Sơn 1983 - 1992 (%)

Hộ gia đình Thời điểm	Thuần nông	Hỗn hợp	Phi nông
Năm 1983	94.7	3.3	1.8
Năm 1992	97.2	2.7	0.1

Nguồn: Tư liệu Phòng Xã hội học nông thôn. Viện Xã hội học

Xem xét sự chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp trên góc độ hộ gia đình, với tư cách là đơn vị kinh tế tự chủ, qua các điểm đã khảo sát ở đồng bằng Bắc Bộ, cho thấy một diện mạo chung của các nhóm hộ cụ thể là:

- *Nhóm hộ phi nông nghiệp*: Do phạm vi nghiên cứu của đề tài bài viết không đề cập đến nhóm hộ phi nông nghiệp vốn có, với nhóm hộ phi nông nghiệp được hình thành trong thời kỳ đổi mới. Đây là những hộ ở thời kỳ đầu Đổi Mới vốn có nghề hỗn hợp hoặc nghề nông là chính thì hiện nay đã chuyển hẳn sang sản xuất thủ công nghiệp hoặc các ngành nghề phi nông nghiệp khác, như buôn bán, dịch vụ. Đây là những hộ vốn đã có năng lực tiềm tàng về chuyển đổi nghề nghiệp (nghề truyền thống, đất đai, óc nhạy bén, trình độ văn hoá, vị trí địa lý...) nên đã chuyển hẳn sang ngành nghề phi nông nghiệp. Nhóm hộ này xuất hiện nhiều ở các làng xã như Bát Tràng, Ninh Hiệp, Vũ Hội... Nếu tính trong thời kỳ Đổi Mới nhóm hộ này chiếm với tỷ lệ khoảng 2 - 4%. Họ là nhóm hộ có mức sống khá cao và mức thu nhập là không ổn định. Trong điều kiện nền kinh tế - văn hoá xã hội nông thôn hiện nay, sự khẳng định và phát triển của nhóm hộ này là còn chịu nhiều thử thách.

- *Nhóm có ngành nghề hỗn hợp*:

Với xu hướng đa dạng hoá ngành nghề hiện nay, một bộ phận khá lớn dân cư nông thôn - nông nghiệp đã lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh hỗn hợp để giải quyết lao động dư thừa tại chỗ, tìm kiếm thêm ngành nghề ngoài nông nghiệp để có thêm thu nhập, tạo điều kiện làm giàu nhanh. Trong số các nhóm thuộc cơ cấu sản xuất nông thôn hiện nay, nhóm này có cơ cấu đa dạng và phức tạp hơn cả, với rất nhiều kiểu loại mô hình khác nhau tùy thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng, từng làng, xã và từng hộ gia đình cụ thể. Tính đa dạng của mô hình kết hợp này tùy thuộc vào tính năng động vì mô của các thành viên trong hộ gia đình, nơi cư trú (cận giang, cận thị, cận lộ...), truyền thống làng xã, tổ chức gia đình, lao động, trình độ văn hoá, vốn, năng lực sản xuất và cả yếu tố quyền lực... mà mỗi hộ có một cách tổ chức lao động và tìm kiếm việc làm cụ thể không giống nhau. Có thể nói mô hình kinh tế gia đình là nơi bắt đầu diễn ra sự cơ cấu lại lực lượng lao động xã hội dưới nhiều hình thức, qui mô và tính chất. Chính sự hợp lý hóa lại lực lượng lao động trong mỗi gia đình đó bước đầu đã tạo ra những chênh lệch đáng kể trong thu nhập giữa các loại hộ hoặc giữa các nhóm hộ, góp phần thúc đẩy nhất định sự phát triển các năng lực sản xuất hàng hoá bên trong làng xã. Nhiều người cho rằng đặc trưng này phản ánh xu thế đa dạng hoá nông nghiệp và phi nông nghiệp hoá đang diễn ra tại nhiều làng xã đồng bằng Bắc Bộ. Dù sao sự phát triển mạnh của nhóm hộ hỗn hợp đã phản ánh mục tiêu có tính lựa chọn của phần nhiều hộ nông dân. Điều đó vừa thể hiện tính cơ động xã hội - nghề nghiệp, vừa cho thấy những khó khăn và phức tạp trong xu hướng phi nông nghiệp hoá ở nông thôn hiện nay.

- *Nhóm hộ thuần nông nghiệp*: Các nghiên cứu khảo sát cho thấy loại hộ này hiện còn chiếm tỷ lệ rất cao ở các vùng làng xã đồng bằng Bắc Bộ. Đây là nhóm hộ có thu nhập thấp nhất, trong cơ động kinh tế xã hội là rất trì trệ và mang nặng tính chất kinh tế truyền thống tự cung, tự

cấp. Tỷ lệ các hộ nghèo và rất nghèo ở các vùng nông thôn đa số đều rơi vào các hộ thuần nông. Đối với họ khả năng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp rất khó khăn vì ngoài hạn chế của năng lực bản thân các hộ thuần nông là những bất lợi khách quan khác như ở xa đô thị, xa các trục giao thông vv.... Tuy nhiên trong tinh thần đổi mới của đất nước thì đặc điểm của các nhóm hộ thuần nông cũng đã có sự chuyển biến, mặc dù rất chậm chạp trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cố gắng để có được nguồn thu nhập cao hơn. Bằng chứng trước hết là nhiều nơi đã tăng cường thâm canh, đa dạng hoá giống, cây, con, vận dụng mô hình VAC khá thành công. Mặt khác khi chưa có khả năng để chuyển đổi nghề nghiệp ổn định, để tăng thu nhập và giải quyết lao động dôi dư họ đã vượt qua sức cản của tâm lý truyền thống, lực lượng lao động trong nhóm hộ thuần nông đã đi làm thuê nhiều nơi như các vùng phụ cận, ra thành phố, thậm chí nhiều thanh niên còn đi tìm việc theo thời vụ ở tận miền Nam hay miền núi. Theo số liệu điều tra xã hội học của Phòng Xã hội học Nông thôn (Viện Xã hội học) ở Đình Bảng (1990) có 29,4%, ở Tam Sơn (1992) có 68,0% và ở Hải Vân (1990) có 31,55% số hộ có người đi làm thuê theo thời vụ. Đây là chỉ báo quan trọng cho thấy khả năng di động ở ngay trong nhóm hộ ít có khả năng chuyển dịch nhất ở nông thôn hiện nay. Điều đó khẳng định thêm về xu hướng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp đang diễn ra ở nông thôn Việt Nam khi đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Sự chậm chạp và khó khăn cũng như sự kém bền vững trong quá trình chuyển đổi của nhóm hộ thuần nông được các tác giả luận chứng bằng nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng trong đó nhóm lý do được đề cập đến nhiều nhất là sức ỳ của tâm lý tự cung tự cấp, thiếu vốn thiếu kinh nghiệm làm ăn, thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm,...

Một mảng vấn đề quan trọng trong nghiên cứu về lĩnh vực này được nhiều nhà nghiên cứu chú ý khảo sát trong thời gian qua là các khía cạnh: sự phân công lao động trong hộ gia đình, vị trí vai trò của chủ hộ và các thành viên khác, phân tích cơ cấu nội tại của các loại hộ gia đình (xem Đào Thế Tuấn), (1995,1996), Tương Lai (1992), Tô Duy Hợp (1994,1995), vv...).

Về phân công lao động trong hộ gia đình có nét khác biệt so với trước đây là vừa chuyên môn hóa vừa đa dạng hơn. Nếu trong các hộ phi nông tính chuyên môn hóa rõ hơn, thì trong nhóm hộ hỗn hợp tính kết hợp đa dạng là nét đặc trưng nổi bật: nhìn chung hiện nay mỗi thành viên trong gia đình có thể đảm nhận nhiều công việc một lúc. Điều đó thể hiện tính năng động và linh hoạt hơn trong công việc của người nông dân thời kỳ Đổi Mới.

Vai trò của người chủ hộ hiện nay cũng có những bước chuyển biến đáng kể so với mô hình truyền thống. Người chủ hộ đã khác với người gia trưởng kiểu cũ, tức là người vạch các kế hoạch sản xuất kinh doanh của gia đình quyết định mọi hoạt động chính của gia đình và chịu trách nhiệm phân công công việc... Người chủ hộ hiện nay mềm dẻo và linh hoạt hơn trong việc phân công lao động trong phạm vi hộ gia đình, nhiều nơi đang tiến tới phương châm: ai giỏi gì làm việc đó. Tuy vậy việc phân công lao động theo giới tính vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại hai loại chủ hộ: chủ hộ thực tế và chủ hộ danh nghĩa điều đó lý giải tại sao trong nhiều hộ gia đình người phụ nữ đóng vai trò chủ đạo về lĩnh vực kinh tế nhưng khi hỏi đến chủ hộ vẫn trả lời: *"Nhà em ạ"*. Qua các cuộc nghiên cứu vai trò kinh tế của phụ nữ được thể hiện rõ nhất trong gia đình nông thôn ở Ninh Hiệp và một số làng xã khác ở đồng bằng sông Hồng. Các thành viên khác trong gia đình cũng năng động hơn, không phải chỉ làm một việc mà kết hợp nhiều việc một lúc: *"Buông cái giằm cầm cái chèo"* để nhằm tạo ra nguồn thu nhập ngày càng nhiều hơn cho gia đình.

Một số chương trình nghiên cứu không những đã đi sâu phân tích về cơ cấu nội tại của các loại hộ gia đình, mà qua đó còn chỉ rõ mối liên quan cũng như dự báo khả năng chuyển hóa vươn lên của các loại hộ gia đình khác nhau cụ thể với nhóm hộ thuần nông, các tác giả chia thành 3

nhóm có trình độ phát triển khác nhau là: hộ tự cấp tự túc, hộ bán tự túc và hộ sản xuất kinh doanh hàng hóa nông nghiệp. Cũng có tác giả như Đỗ Thiên Kính lại phân các nhóm hộ theo tiêu chí khác như hộ thuần nông, hộ trọng nông, hộ hỗn hợp, hộ trọng phi nông nghiệp, hộ phi nông nghiệp...nhưng vẫn dựa vào năng lực chuyển đổi của các hộ. Các tác giả đều cho rằng phần lớn các hộ nghèo khổ chủ yếu rơi vào hai nhóm đầu còn các hộ ở nhóm ba là có khả năng hơn cả để chuyển sang nhóm hộ hỗn hợp và phi nông. Với các hộ phi nông nghiệp người ta cũng phân làm ba nhóm: hộ phi nông viên chức, hộ phi nông buôn bán nhỏ, hộ phi nông đạt mức sản xuất kinh doanh ở quy mô lớn.

Những khảo sát và phân tích trên các khía cạnh đã nêu là rất quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu việc chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện nay, tuy nhiên về vấn đề này cần thiết phải được nghiên cứu tiếp tục để có được những kết luận và dự báo đúng đắn, khoa học.

Các nghiên cứu, khảo sát về nông thôn và nông nghiệp từ nhiều các góc độ khác nhau trong thời gian qua phần nào đã mô tả được thực trạng chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp xã hội ở nông thôn hiện nay. Mặt khác, các nghiên cứu (nhất là các nghiên cứu xã hội học) đã bắt đầu đi sâu vào việc phân tích, đánh giá các nguyên nhân, các điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội qui định quá trình chuyển dịch đó và dự báo các khả năng vận động trong tương lai. Trước hết, các tác giả đều cho rằng nguyên nhân cơ bản và trực tiếp nhất là đường lối Đổi Mới của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện qua công cuộc Đổi Mới được tiến hành trên cả nước trong mười năm qua. Chính chủ trương chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp, kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chính các chính sách về khoán trong nông nghiệp và xác định hộ gia đình là đơn vị sản xuất kinh doanh tự chủ đã khuyến khích, thúc đẩy và tạo đà cho sự biến đổi kinh tế xã hội ở nông thôn trong thời gian qua. Qua mười năm Đổi Mới bộ mặt nông thôn Việt Nam thực sự có nhiều khởi sắc và thay đổi rõ rệt, và đời sống nói chung của người nông dân được cải thiện hơn so với thời gian trước đó. Điều này được thể hiện qua số liệu ở bảng biểu sau đây.

Bảng 2: So sánh mức sống năm 1992 với các năm trước (%)

Mức độ	Tăng nhiều	Tăng ít	Như cũ	Giảm ít	Giảm nhiều
Văn Môn (Hà Bắc)	18.4	39.5	30.4	10.7	10
Đông Dương (Thái Bình)	5.4	53.4	9.1	1.4	30.7

Nguồn: Tư liệu Viện Xã hội học (qua kết quả điều tra Xã hội học).

Các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy mức độ đời sống được cải thiện giữa các nhóm hộ nông dân, giữa các vùng nông thôn là khác nhau, cũng như mức độ chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp giữa các nhóm hộ và các làng xã khác nhau. Điều đó, trước hết là do mức độ lan toả và tác động của cơ chế kinh tế thị trường, ngoài ra liên quan mật thiết với các yếu tố về khu vực địa lý, văn hoá, phong tục tập quán, cũng như năng lực của các hộ gia đình cụ thể. Cũng có một số ý kiến còn đề cập đến tính bất cập và không xác thực của một số chính sách kinh tế xã hội về nông thôn - nông nghiệp hiện nay. Có một thực tế mà nhiều nhà nghiên cứu đều thừa nhận là qua mười năm Đổi Mới, xu hướng phân tầng xã hội đang diễn ra ở nông thôn. Phân tầng xã hội, mà trước hết là phân tầng về mức sống, đã kéo theo sự phân tầng về văn hoá, và sự biến đổi hệ thống chuẩn mực giá trị và lối sống. Trong quá trình chuyển động đó có vai trò quan trọng của sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, nó vừa là hệ quả, vừa là nguyên nhân, vừa là một thành tố của động thái xã hội hiện nay ở nông thôn. Nhiều nghiên cứu đã thừa nhận mối quan hệ mật thiết giữa cơ cấu nghề nghiệp và phân tầng về mức sống ở nông thôn hiện nay. Nếu chia mức sống của cư dân nông thôn thành 5

loại từ I đến V, tương ứng các loại hộ: giàu có, khá giả, trung bình, có thiếu thốn và nghèo khổ thì số liệu về tương quan này của cả nước năm 1989 như sau:

Bảng 3: Tương quan giữa ngành nghề và thu nhập của hộ nông dân cả nước (%)

<i>Mức sống</i> <i>Loại hộ</i>	<i>Hộ loại</i> I	<i>Hộ loại</i> II	<i>Hộ loại</i> III	<i>Hộ loại</i> IV	<i>Hộ loại</i> V	<i>Tổng số</i>
Hộ thuần nông	5.78	8.71	25.44	48.08	11.99	100.00
Hộ kiêm ngành nghề	11.97	13.75	29.48	41.48	3.32	100.00
Hộ chuyên ngành nghề	29.17	19.05	25.59	22.02	4.17	100.00

Nguồn: Nguyễn Sinh Cúc: *Thực trạng nông nghiệp nông thôn và nông dân Việt Nam 1976 - 1990*. Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội-1991. Tr. 74.

Bảng biểu trên cho thấy ngay ở giai đoạn đầu của thời kỳ Đổi Mới đã xuất hiện thực tế là các hộ nông nghiệp có thêm ngành nghề khác hoặc thoát ly khỏi nông nghiệp thường có mức sống cao hơn, điều kiện làm giàu của các hộ thuần nông là rất khó khăn. Điều đó khẳng định thêm tính đúng đắn của quan điểm đa dạng hoá việc làm, nghề nghiệp, giải quyết lao động nông nghiệp dôi dư tại chỗ của thời kỳ đầu bước vào công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Tương quan giữa cơ cấu nghề nghiệp và phân tầng mức sống càng bộc lộ rõ hơn ở những năm tiếp theo của thời kỳ Đổi Mới qua các số liệu khảo sát ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

Bảng 4: Tương quan giữa ngành nghề và thu nhập của hộ nông dân qua các điểm khảo sát (1992 - 1993)

<i>Mức sống</i>		<i>Giàu có</i>	<i>Sung túc</i>	<i>Đủ ăn</i>	<i>Thiếu ăn</i>	<i>Nghèo đói</i>
<i>Loại hộ- địa phương</i>						
Hộ thuần nông	Xã Xuân Sơn	0.0	0.0	77.2	21.6	0.6
	Xã Đông Dương	0.0	2.9	63.6	32.1	1.4
	Xã Văn Môn	0.5	7.1	71.7	18.5	2.2
Hộ hỗn hợp	Xã Xuân Sơn	0.0	2.8	86.1	11.1	0.0
	Xã Đông Dương	0.0	9.6	81.4	9.0	0.0
	Xã Văn Môn	3.3	16.5	72.5	7.7	0.0
Hộ phi nông	Xã Xuân Sơn	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
	Xã Đông Dương	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
	Xã Văn Môn	8.0	28.0	64.0	0.0	0.0

Nguồn: Tạp chí *Xã hội học* số 4 - 1993

Như vậy ở cả 3 xã được khảo sát ở Quảng Ninh, Thái Bình và Hà Bắc đều dễ nhận thấy trước nhất là trong cư dân nông thôn, các nhóm hộ có ngành nghề hỗn hợp và phi nông không còn hộ nào ở tình trạng nghèo đói, riêng với nhóm hộ phi nông thì cũng không còn trường hợp nào ở diện thiếu ăn, tỷ lệ các hộ sung túc và giàu có chiếm cao nhất ở 2 nhóm hộ ngành nghề này. Mặt khác các số liệu ở bảng biểu trên cũng cho thấy sự phân hoá về mức sống cũng rất khác nhau giữa các làng có mức độ phi nông nghiệp khác nhau. Rõ ràng là với thời kỳ Đổi Mới, sự phân tầng về mức sống ở nông thôn đã diễn ra mạnh mẽ hơn. Theo đánh giá của Ban Nông nghiệp Trung ương, sự chênh lệch giàu nghèo ở đồng bằng sông Hồng thời kỳ 1960 - 1975 là từ 1,5 - 2 lần, sang thời kỳ 1976 - 1980 đã lên đến 3 - 4 lần, ở thời kỳ 1981 - 1989 tăng lên 6 - 8 lần. Một vài năm tiếp theo đã tăng lên 9 - 10 lần¹. Và chính sự phân tầng mức sống diễn ra với tốc độ cao trong thời kỳ đổi mới đã thúc

¹ Ban Nông nghiệp Trung ương: *Kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay*. Nhà xuất bản Tư tưởng-Văn hoá. Hà Nội-1991. Tr. 43.

đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp. Ngược lại, sự chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp đã tham gia tích cực vào quá trình phân hoá giàu nghèo thêm phần sôi động hơn. Tuy nhiên điều đã được mô tả là xu hướng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp trong nông thôn hiện nay là còn rất phức tạp và đa dạng.

Đúng là quá trình phân hoá giàu nghèo và sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp ở nông thôn hiện nay đã tác động lên mọi mặt của đời sống cư dân nông thôn. Mặc dù ảnh hưởng đó là rất khác nhau, về mức độ và tính chất tùy thuộc vào các lĩnh vực cuộc sống, các địa phương và các nhóm hộ khác nhau nhưng nhìn chung đã làm biến chuyển bầu không khí xã hội nông thôn - nông nghiệp, từ đời sống sinh hoạt (tiện nghi, nhà ở, ăn mặc...) đến văn hoá (lối sống, giao tiếp, lễ hội, học hành, các chuẩn mực giá trị...) và các khía cạnh hoạt động khác (tổ chức gia đình, các thiết chế phi chính thức, sức khoẻ, y tế, sinh đẻ...). Các nghiên cứu khảo sát xã hội học thời gian qua đã đề cập đến các khía cạnh đó. Kết quả các nghiên cứu này ít nhiều cho thấy các mối tương quan đã nêu. Cụ thể như tương quan về cơ cấu nghề nghiệp và nhà ở qua khảo sát ở Đa Tốn (1994) như sau:

Bảng 5: Tương quan nghề nghiệp và nhà ở tại Đa Tốn (%)

Các loại nhà Loại hộ	Nhà mái	Nhà mái	Nhà gạch	Nhà
	bằng 1 tầng	bằng 2 tầng	Mái ngói	tranh tre
Hộ thuần nông	2.7	1.3	86.1	9.7
Hộ hỗn hợp	3.0	3.0	87.6	4.6
Hộ phi nông	4.3	0.0	82.6	0.0

Nguồn: Tạp chí Xã hội học. Số 3 - 1997

Các chỉ số được nêu cho thấy một thực tế rất rõ là những hộ phi nông, do mức sống cao hơn nên điều kiện ở cũng tốt hơn thể hiện ở chỗ không còn tình trạng phải ở nhà tranh tre và tình trạng nhà ở là kém hơn ở loại hộ hỗn hợp và kém nhất ở loại hộ thuần nông. Khảo sát về tiêu dùng văn hoá ở Đa Tốn cũng cho thấy những nét phân hoá đáng lưu ý. Trong thưởng thức văn hoá nghệ thuật theo tương quan các hộ nghề nghiệp ở khía cạnh *không bao giờ* là:

- Không bao giờ đọc sách báo: ở nhóm thuần nông là: 59.7%, nhóm hỗn hợp: 38.4% và nhóm phi nông nghiệp: 21.6%.

- Không bao giờ xem văn nghệ, thể thao: ở nhóm thuần nông: 88.9%, nhóm hỗn hợp: 49.2% và nhóm phi nông nghiệp: 26.0%.

- Không bao giờ xem phim, ti vi: ở nhóm thuần nông: 16.6%, nhóm hỗn hợp: 2.5% và triệt tiêu ở nhóm phi nông nghiệp².

Một số nghiên cứu xã hội học từ khía cạnh văn hoá cũng cho thấy những biến đổi có thể lượng hoá được về các khía cạnh lối sống, định hướng giá trị ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong thời kỳ Đổi Mới. Tuy nhiên mức độ của biến chuyển đó là đậm nhạt khác nhau tùy thuộc vào từng vùng nông thôn, tùy thuộc vào tốc độ của xu hướng biến đổi cơ cấu nghề nghiệp. Ở những vùng nông thôn mà ngành nghề chính vẫn là nông nghiệp, hộ thuần nông vẫn là đa số thì ảnh hưởng của tâm lý truyền thống, các chuẩn mực giá trị vẫn chưa có những khác biệt đáng kể so với quá khứ. Các khảo sát xã hội học gần đây cho thấy độ cản trở nhất định của các giá trị truyền thống, của phong tục tập quán. Đối với đa số người nông dân đồng bằng Bắc Bộ vẫn xem "*Làm ruộng*" là

² Nguồn: Tạp chí Xã hội học. Số 3 - 1997. Tr. 74.

nghề gốc lâu bền. Chính tâm lý trọng nông truyền thống đã níu kéo, hay nói cách khác là buộc chân buộc tay người nông dân với thửa ruộng, mảnh vườn, che khuất tầm nhìn của họ để có thể tìm kiếm một ngành nghề, một công việc khác có thu nhập cao hơn, đỡ vất vả hơn. Mặc dầu hơn ai hết, người nông dân hiểu rất rõ nỗi vất vả, cực nhọc của nghề làm ruộng, cái nghề "*Bán lưng cho trời, bán mặt cho đất*". Họ luôn có tâm lý mong cho con cháu được thăng tiến để mở mang mày mặt. Vậy nhưng với cuộc đời đầy cam go và bất trắc, họ biết rằng những mong muốn đó là ước vọng hảo huyền. Suốt đời họ luôn phải đối diện với những mâu thuẫn của vòng luẩn quẩn giữa nhu cầu vươn lên và những thấp kém, hạn chế của sự nghèo khổ, nhất là trong thời buổi nền kinh tế thị trường. Họ có mong muốn cho con cái thoát khỏi nghề nông, thoát khỏi đồng ruộng nhưng lại hoàn toàn không có điều kiện để đầu tư cho con cái học hành đến nơi đến chốn, không có khả năng tìm kiếm một việc làm khác ngoài nông nghiệp cho con cái. Ở đây không chỉ đơn thuần là tâm lý trọng nông mà còn do hoàn cảnh thực tế đã làm chậm chạp hơn xu hướng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp hiện nay. Về thực tế này các chỉ số sau đây cho thấy rõ qua khía cạnh định hướng nghề nghiệp cho con cái ở hai điểm khảo sát: một xã thuần nông là chính và một xã thuộc diện ngành nghề hỗn hợp.

Bảng 6: Định hướng nghề nghiệp cho con ở Tam Sơn - 1990 (Tổng mẫu: 145)

<i>Giới tính</i>	<i>Con trai</i>	<i>Con gái</i>
Ngành nghề		
Nông nghiệp	7	37
Ngoài nông nghiệp	22	13
Thoát ly nông thôn	105	78
Tùy các con	9	11
Không trả lời	2	6

Nguồn: Tư liệu Phòng Xã hội học Nông thôn. Viện Xã hội học.

Bảng 7: Định hướng nghề nghiệp cho con cái ở Vũ Hội - 1995 (%)

<i>Giới tính</i>	<i>Con trai</i>	<i>Con gái</i>
Ngành nghề		
- Nông nghiệp	12,5	16,5
- TTCN tại làng xã	1,5	-
- Buôn bán dịch vụ	1,5	6,0
- Kỹ sư, bác sĩ	42,5	3,0
- Thầy cô giáo	1,0	26,5
- Công nhân thoát ly	5,0	3,5
- Tùy các con	10,0	11,0
- Không trả lời	5,0	33,5

Nguồn: Tư liệu Phòng Xã hội học Nông thôn. Viện Xã hội học.

Như vậy với đa số người nông dân hiện nay đều có mong muốn con cái có được ngành nghề ổn định ngoài nông nghiệp, có thu nhập cao. Đối với bản thân họ, nhu cầu thoát khỏi nông nghiệp dù có cũng không thể thực hiện. Điều này cho thấy những trở ngại của xu hướng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp ở nông thôn hiện nay. Đồng thời nó cũng hé mở khả năng giải quyết vấn đề khi nhất trí rằng đó là khó khăn chủ yếu nhất.

*

* *

Những nghiên cứu, khảo sát về nông thôn - nông nghiệp thời gian qua, về cơ bản đã phác thảo được bức tranh chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp ở nông thôn (nhất là nông thôn đồng bằng Sông Hồng) trong thời kỳ Đổi Mới. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra được những cơ sở, những nguyên nhân tích cực và những hạn chế ảnh hưởng đến xu hướng chuyển đổi đó. Tuy nhiên ở phần nhiều các nghiên cứu đều gặp lúng túng khi dự báo xu hướng phát triển, cũng như đề ra các giải pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp ở nông thôn hiện nay. Vì thế trong các đánh giá đã xuất hiện hai loại ý kiến trái ngược: Lạc quan hoá xu hướng biến đổi nghề nghiệp và ý kiến bi quan về quá trình này.

Phần lớn các tác giả chỉ mới đưa ra thực trạng của quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp xã hội của xã hội Việt Nam đương đại, mà chưa phân tích thật sâu nguyên nhân của những nguyên nhân cơ bản tạo ra sự chuyển đổi theo hướng này mà không phải theo hướng kia. Mặt khác chưa dự báo được một cách khoa học xu hướng chuyển đổi tiếp tục của các nhóm lao động nghề nghiệp xã hội. Tuy nhiên có tác giả cũng đưa ra được dự báo của xu hướng chuyển đổi tiếp tục trong tương lai và cho rằng sự chuyển đổi này đã đi đến “ngưỡng” của nó (hay nói cách khác là có dấu hiệu bế tắc). Và theo tác giả³ thì Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đổi mới chính sách kinh tế, xã hội theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, theo phương châm “rời nghề nông không rời quê hương”. Có như vậy mới thu hút được lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và tạo đà cho xu hướng chuyển đổi tiếp tục theo hướng giải thể cơ cấu thuần nông, và thúc đẩy quá trình đô thị hóa tại chỗ. Mặt khác cũng hạn chế được phần nào tình trạng di dân tự do làm cho các khu vực đô thị ngày càng quá tải do sự gia tăng dân số. Hoặc cũng có tác giả⁴ mong muốn có sự tích tụ ruộng đất để đi tới hình thành các trang trại gia đình vừa và nhỏ nhằm đạt tới mức độ chuyên môn hóa cao như các nước phát triển trên thế giới. Ở đây vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau, ví dụ như có một số tác giả cho rằng nếu quá trình tích tụ ruộng đất xảy ra như hiện nay ở đồng bằng sông Cửu Long thì liệu có quay lại chế độ “*Địa chủ phong kiến hay không*”? Bởi vì một thực tế đã và đang xảy ra là tất yếu sẽ hình thành một tầng lớp các ông chủ mới và đội quân làm thuê.

Cần tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn động lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi trong thời gian qua, đồng thời cũng phải luận giải được những nguyên nhân kinh tế - xã hội cơ bản kìm hãm quá trình này. Lý giải được một cách khoa học “ngưỡng” của quá trình này như thế nào, và tại sao quá trình này lại có nguy cơ dừng lại ở “ngưỡng “đó. Hơn nữa, từ thực tế cuộc sống vùng Đồng Bằng Sông Hồng đất chật, người đông hiện nay, nếu chỉ dựa vào nông nghiệp thì không thể đưa mức sống dân cư vùng này giàu khá lên được. Do vậy, định hướng chuyển sang phát triển ngành nghề phi nông nghiệp nên trở thành chiến lược cho vùng này. Muốn vậy phải có những nghiên cứu tiếp tục để có thể đưa ra được những giải pháp tình thế và những giải pháp mang tính chiến lược lâu dài.

³ Xem: Tô Duy Hợp: *Xã hội học nông thôn Việt Nam- một số thành quả nghiên cứu và khả năng vận dụng*. Tạp chí *Xã hội học* số 4/1994. Tr. 31.

⁴ Xem: Đào Thế Tuấn: *Kinh tế học gia đình*. Tạp chí *Xã hội học* số 1-1995. Tr. 16.